

**DANH SÁCH HỌC SINH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**

Quyết định 4453/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tiếp tục chính sách miễn học phí đối với học sinh dân tộc Chăm và Khmer tại Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020-2021, 2021-2022 và chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số năm 2021

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng chính sách	Mã số hộ nghèo/hộ cận nghèo	Mức học phí	Số tháng	Kinh phí thực hiện	Ký nhận	Ghi chú
	MIỄN						5.520.000		
1	Trần Ngọc Thanh Trúc	8/2	Mồ côi		60.000	4	240.000		
2	Võ Gia Hào	6/2	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
3	Đặng Công Kiến Bình	6/4	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
4	Lê Trọng Hải	6/4	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
5	Trần Thu Trúc	6/5	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
6	Trương Hoàng Nhật Minh	6/5	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
7	Nguyễn Thiện Nhân	6/3	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
8	Trần Thành Đạt	7/2	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
9	Nguyễn Đắc Hưng	8/2	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
10	Phan Bảo Gia Thùy	8/2	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
11	Lê Hoàng Quân	8/3	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
12	Phan Trần Quốc Đại	8/4	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
13	Từ Trương Gia Hân	9/2	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
14	Huỳnh Gia Tuấn	9/4	Khuyết tật		60.000	4	240.000		
15	Nguyễn Lâm Thanh Như	9/4	Hộ nghèo	2689060261HN	60.000	4	240.000		
16	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	9/5	Hộ nghèo	26893020196HN	60.000	4	240.000		
17	Nguyễn Ngọc Phương Trang	8/5	Hộ nghèo	26893020196HN	60.000	4	240.000		
18	Trần Anh Tuấn	8/4	Hộ nghèo	26893060176HN	60.000	4	240.000		
19	Nguyễn Lê Thanh Phong	7/3	Hộ nghèo	26896070337HN	60.000	4	240.000		
20	Võ Tấn Tài	7/2	Hộ nghèo	26779010195HN	60.000	4	240.000		
21	Nguyễn Quỳnh Như	7/3	Hộ nghèo	26893040123HN	60.000	4	240.000		
22	Nguyễn Đan Anh	9/6	Hộ nghèo	26896060259HN	60.000	4	240.000		
23	Phạm Bích Ngân	9/2	Hộ nghèo	26884010015HN	60.000	4	240.000		
	GIẢM						240.000		
1	Trần Minh Thông	8/1	Hộ cận nghèo	26893010009HN	30.000	4	120.000		

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng chính sách	Mã số hộ nghèo/ hộ cận nghèo	Mức học phí	Số tháng	Kinh phí thực hiện	Ký nhận	Ghi chú
2	Nguyễn Thanh Thảo	6/4	Hộ cận nghèo	020063HN	30.000	4	120.000		
Tổng cộng:							5.760.000		

Số tiền bằng chữ: Năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng

Kế toán

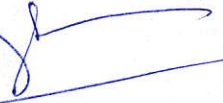


Nguyễn Thị Anh Đào



Gà Káp ngày tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng chính sách	Mã số hộ nghèo/Hộ cận nghèo	Số tháng	Mức hỗ trợ	Kinh phí thực hiện	Ký nhận	Ghi chú
1	Trần Ngọc Thanh Trúc	8/2	Mồ côi		4	150.000	600.000		
2	Võ Gia Hào	6/2	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
3	Đặng Công Kiến Bình	6/4	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
4	Lê Trọng Hải	6/4	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
5	Trần Thu Trúc	6/5	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
6	Trương Hoàng Nhật Minh	6/5	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
7	Nguyễn Thiện Nhân	6/3	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
8	Trần Thành Đạt	7/2	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
9	Nguyễn Đắc Hưng	8/2	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
10	Phan Bảo Gia Thùy	8/2	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
11	Lê Hoàng Quân	8/3	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
12	Phan Trần Quốc Đại	8/4	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
13	Từ Trương Gia Hân	9/2	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
14	Huỳnh Gia Tuấn	9/4	Khuyết tật		4	150.000	600.000		
15	Nguyễn Lâm Thanh Như	9/4	Hộ nghèo	2689060261HN	4	150.000	600.000		
16	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	9/5	Hộ nghèo	26893020196HN	4	150.000	600.000		
17	Nguyễn Ngọc Phương Trang	8/5	Hộ nghèo	26893020196HN	4	150.000	600.000		
18	Trần Anh Tuấn	8/4	Hộ nghèo	26893060176HN	4	150.000	600.000		
19	Nguyễn Lê Thanh Phong	7/3	Hộ nghèo	26896070337HN	4	150.000	600.000		
20	Võ Tấn Tài	7/2	Hộ nghèo	26779010195HN	4	150.000	600.000		
21	Nguyễn Quỳnh Như	7/3	Hộ nghèo	26893040123HN	4	150.000	600.000		
22	Nguyễn Đan Anh	9/6	Hộ nghèo	26896060259HN	4	150.000	600.000		
23	Phạm Bích Ngân	9/2	Hộ nghèo	26884010015HN	4	150.000	600.000		
Tổng cộng:							13.800.000		

Số tiền bằng chữ: Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng

Kế toán


Nguyễn Thị Anh Đào



Gò Vấp, ngày tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH HỌC SINH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ BUỔI 2 HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2022-2023**

Hướng dẫn liên Sở số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBXH-STC ngày 09/11/2016 về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2016-2017 đến năm 2020-2021

STT	Tên học sinh	LỚP	Đối tượng được hưởng	Mã số hộ nghèo/ hộ cận nghèo	Mức học phí	Số tháng	Số tiền	Ký nhận	Ghi chú
MIỄN							3.200.000		
1	Trần Ngọc Thanh Trúc	8/2	Mồ côi		80.000	4	320.000		
2	Nguyễn Lâm Thanh Như	9/4	Hộ nghèo	2689060261HN	80.000	4	320.000		
3	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	9/5	Hộ nghèo	26893020196HN	80.000	4	320.000		
4	Nguyễn Ngọc Phương Trang	8/5	Hộ nghèo	26893020196HN	80.000	4	320.000		
5	Trần Anh Tuấn	8/4	Hộ nghèo	26893060176HN	80.000	4	320.000		
6	Nguyễn Lê Thanh Phong	7/3	Hộ nghèo	26896070337HN	80.000	4	320.000		
7	Võ Tấn Tài	7/2	Hộ nghèo	26779010195HN	80.000	4	320.000		
8	Nguyễn Quỳnh Như	7/3	Hộ nghèo	26893040123HN	80.000	4	320.000		
9	Nguyễn Đan Anh	9/6	Hộ nghèo	26896060259HN	80.000	4	320.000		
10	Phạm Bích Ngân	9/2	Hộ nghèo	26884010015HN	80.000	4	320.000		
GIẢM							320.000		
1	Trần Minh Thông	8/1	Hộ cận nghèo	26893010009HN	40.000	4	160.000		
2	Nguyễn Thanh Thảo	6/4	Hộ cận nghèo	020063HN	40.000	4	160.000		
TỔNG CỘNG							3.520.000		

Số tiền bằng chữ: Ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng

Người lập


Nguyễn Thị Anh Đào



tháng 09 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH HỌC SINH MIỄN GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

Quyết định 4453/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tiếp tục chính sách miễn học phí đối với học sinh dân tộc Chăm và Khmer tại Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020-2021, 2021-2022 và chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số năm 2021

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng chính sách	Mã số hộ nghèo/ hộ cận nghèo	Mức học phí	Số tháng	Kinh phí thực hiện	Ký nhận	Ghi chú
	MIỄN						5.400.000		
1	Trần Ngọc Thanh Trúc	8/2	Mồ côi		60.000	5	300.000		
2	Võ Gia Hào	6/2	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
3	Đặng Công Kiến Bình	6/4	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
4	Lê Trọng Hải	6/4	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
5	Trần Thu Trúc	6/5	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
6	Trương Hoàng Nhật Minh	6/5	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
7	Nguyễn Thiện Nhân	6/5	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
8	Trần Thành Đạt	7/2	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
9	Nguyễn Đắc Hưng	8/2	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
10	Phan Bảo Gia Thùy	8/2	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
11	Lê Hoàng Quân	8/3	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
12	Phan Trần Quốc Đại	8/4	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
13	Từ Trương Gia Hân	9/2	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
14	Huỳnh Gia Tuấn	9/4	Khuyết tật		60.000	5	300.000		
15	Nguyễn Huỳnh Tuyết Nhi	9/5	Hộ nghèo	26896040132HN	60.000	5	300.000		
16	Nguyễn Lê Thanh Phong	7/3	Hộ nghèo	26896070284HN	60.000	5	300.000		
17	Lương Tấn Dũng	8/3	Hộ nghèo	26893020195HN	60.000	5	300.000		
18	Võ Tấn Tài	7/2	Hộ nghèo	26779010195HN	60.000	5	300.000		
	GIẢM						300.000		
1	Nguyễn Lâm Thanh Như	9/4	Hộ cận nghèo	26896060261HCN	30.000	5	150.000		
2	Nguyễn Đan Anh	9/6	Hộ cận nghèo	26896060259HCN	30.000	5	150.000		
Tổng cộng:							5.700.000		

Số tiền bằng chữ: Năm triệu bảy trăm nghìn đồng

Kế toán



Nguyễn Thị Anh Đào



Ngày tháng 09 năm 2023

TRƯỜNG

TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRƯỜNG SƠN

Đỗ Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH HỌC SINH NHẬN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng chính sách	Mã số hộ nghèo/Hộ cận nghèo	Số tháng	Mức hỗ trợ	Kinh phí thực hiện	Ký nhận	Ghi chú
1	Trần Ngọc Thanh Trúc	8/2	Mồ côi		5	150.000	750.000		
2	Võ Gia Hào	6/2	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
3	Đặng Công Kiến Bình	6/4	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
4	Lê Trọng Hải	6/4	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
5	Trần Thu Trúc	6/5	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
6	Trương Hoàng Nhật Minh	6/5	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
7	Nguyễn Thiện Nhân	6/5	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
8	Trần Thành Đạt	7/2	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
9	Nguyễn Đắc Hưng	8/2	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
10	Phan Bảo Gia Thùy	8/2	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
11	Lê Hoàng Quân	8/3	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
12	Phan Trần Quốc Đại	8/4	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
13	Từ Trương Gia Hân	9/2	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
14	Huỳnh Gia Tuấn	9/4	Khuyết tật		5	150.000	750.000		
15	Nguyễn Huỳnh Tuyết Nhi	9/5	Hộ nghèo	26896040132HN	5	150.000	750.000		
16	Nguyễn Lê Thanh Phong	7/3	Hộ nghèo	26896070284HN	5	150.000	750.000		
17	Lương Tấn Dũng	8/3	Hộ nghèo	26893020195HN	5	150.000	750.000		
18	Võ Tấn Tài	7/2	Hộ nghèo	26779010195HN	5	150.000	750.000		
Tổng cộng:							13.500.000		

Số tiền bằng chữ: **Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng**

Kế toán


Nguyễn Thị Anh Đào

Gò Vấp, ngày tháng 9 năm 2023
HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thanh Huyền

**DANH SÁCH HỌC SINH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ BUỔI 2 HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2022-2023**

Hướng dẫn liên Sở số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBXH-STC ngày 09/11/2016 về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2016-2017 đến năm 2020-2021

STT	Tên học sinh	LỚP	Đối tượng được hưởng	Mã số hộ nghèo/ hộ cận nghèo	Mức học phí	Số tháng	Số tiền	Ký nhận	Ghi chú
	MIỄN						2.000.000		
1	Trần Ngọc Thanh Trúc	8/2	Mồ côi		80.000	5	400.000		
2	Nguyễn Huỳnh Tuyết Nhi	9/5	Hộ nghèo	26896040132HN	80.000	5	400.000		
3	Nguyễn Lê Thanh Phong	7/3	Hộ nghèo	26896070284HN	80.000	5	400.000		
4	Lương Tấn Dũng	8/3	Hộ nghèo	26893020195HN	80.000	5	400.000		
5	Võ Tấn Tài	7/2	Hộ nghèo	26779010195HN	80.000	5	400.000		
	GIẢM						400.000		
1	Nguyễn Lâm Thanh Như	9/4	Hộ cận nghèo	26896060261HCN	40.000	5	200.000		
2	Nguyễn Đan Anh	9/6	Hộ cận nghèo	26896060259HCN	40.000	5	200.000		
	TỔNG CỘNG						2.400.000		

Số tiền bằng chữ: Hai triệu bốn trăm nghìn đồng

Người lập

Nguyễn Thị Anh Đào



Gò Vấp, ngày tháng 09 năm 2023

TRƯỜNG HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thanh Huyền